P7

BỘ QUỐC PHÒNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ

Số: 575 /QĐ-HV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ cho học viên cao học Khóa VII (2017 - 2019) hệ dân sự

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN

Căn cứ Quyết định số 86/CT ngày 18/3/1987 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc giao nhiệm vụ đào tạo trên đại học cho Học viện Chính trị quân sự (nay là Học viện Chính trị);

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ở Học viện Chính trị ban hành kèm theo Quyết định số 946/QĐ-HV3 ngày 05/7/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị;

Căn cứ kết quả học tập, rèn luyện, bảo vệ luận văn của học viên cao học;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và đồng chí Trưởng phòng Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ cho 206 học viên cao học khóa VII (2017 - 2019) hệ dân sự, thuộc các chuyên ngành: Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Kinh tế chính trị; Quản lý giáo dục *(Có danh sách học viên kèm theo).*

Điều 2. Phòng Sau đại học quản lý việc đăng ký, cấp phát bằng thạc sĩ theo đúng quy chế, quy định hiện hành.

Điều 3. Đồng chí Trưởng phòng Sau đại học, học viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 1;
- Cục Nhà trường/BTTM;
- Vụ Giáo dục Đại học/BGD&ĐT;
- P7 (đăng mạng Lan Học viện);
- Lưu: VT, P3. LT215.

GIÁM ĐỐC

Thiếu tướng, PGS. TS Nguyễn Văn Bạo

DANH SÁCH

Học viên cao học khóa VII (2017 - 2019) hệ dân sự được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

(Kèm theo Quyết định số 576/QĐ-HV ngày 28 tháng 02 năm 2020

của Giám đốc Học viện Chính trị)

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp bằng
1. Chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 40 học viên (tại HVCT)						
1.	Cao Đình Kim	Anh	02/6/1972	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT001-2020
2.	Đặng Ngọc	Anh	27/5/1981	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT002-2020
3.	Đỗ Ngọc	Anh	11/7/1973	Nam Định	XDĐ&CQNN	CT003-2020
4.	Nguyễn Thị Mai	Anh	21/01/1987	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT004-2020
5.	Nguyễn Tuấn	Anh	02/4/1976	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT005-2020
6.	Nguyễn Thị	Ba	09/9/1988	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT006-2020
7.	Nguyễn Văn	Bình	02/8/1977	Phú Thọ	XDĐ&CQNN	CT007-2020
8.	Nguyễn Đức	Chung	04/9/1991	Hải Phòng	XDĐ&CQNN	CT008-2020
9.	Dương Thành	Công	09/10/1982	Nam Định	XDĐ&CQNN	CT009-2020
10.	Cấn Xuân	Dũng	29/8/1982	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT010-2020
11.	Nguyễn Hoàng	Dương	05/3/1981	Hải Phòng	XDĐ&CQNN	CT011-2020
12.	Kim Ngọc	Đàm	05/01/1977	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT012-2020
13.	Trần Trọng	Đại	20/7/1980	Hà Nam	XDĐ&CQNN	CT013-2020
14.	Phạm Tùng	Giang	22/12/1980	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT014-2020
15.	Hồ Phương	Hải	18/4/1977	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT015-2020
16.	Ngô Minh	Hòa	05/6/1994	Sơn La	XDĐ&CQNN	CT016-2020
17.	Đào Quang	Huy	08/8/1979	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT017-2020
18.	Nguyễn Trung	Huy	08/9/1974	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT018-2020
19.	Đào Thị Thu	Huyền	30/7/1981	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT019-2020
20.	Nguyễn Thị Thu	Huyền	12/12/1988	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT020-2020
21.	Phan Mạnh	Hùng	14/3/1975	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT021-2020
22.	Đặng Thị Thu	Hương	01/9/1975	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT022-2020
23.	Nguyễn Thị Xuân	Hương	17/8/1976	Thái Bình	XDĐ&CQNN	CT023-2020
24.	Vũ Thanh	Khương	25/02/1979	Hải Phòng	XDĐ&CQNN	CT024-2020
25.	Đỗ Thị Hoàng	Lan	19/6/1979	Phú Thọ	XDĐ&CQNN	CT025-2020
26.	Kiều Mạnh	Linh	24/12/1988	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT026-2020
27.	Văn Hồng	Minh	14/02/1982	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT027-2020
28.	Nguyễn Văn	Nam	23/9/1978	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT028-2020
29.	Đặng Thị Thu	Nga	11/6/1979	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT029-2020

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp bằng
30.	Dương Thị Thu	Phương	19/9/1985	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT030-2020
31.	Nguyễn Văn	Sơn	19/10/1981	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT031-2020
32.	Nguyễn Ngọc	Thành	01/3/1990	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT032-2020
33.	Mai Xuân	Thắng	14/11/1987	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT033-2020
34.	Nguyễn Minh	Thuận	10/01/1980	Vĩnh Phúc	XDĐ&CQNN	CT034-2020
35.	Nguyễn Thị Minh	Trà	02/8/1981	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT035-2020
36.	Đào Văn	Trung	03/8/1976	Ninh Bình	XDĐ&CQNN	CT036-2020
37.	Hứa Đức	Tuấn	18/01/1979	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT037-2020
38.	Nguyễn	Tuyên	21/01/1974	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT038-2020
39.	Đinh Khánh	Tùng	05/8/1979	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT039-2020
40.	Đồng Tố	Vũ	07/9/1994	Hải Dương	XDĐ&CQNN	CT040-2020
2. Chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước: 36 học viên (tại Trường SQLQ2)						
1.	Nguyễn Thành Quốc	An	02/11/1974	Tp. Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT041-2020
2.	Trần Thúy	An	30/5/1990	Tiền Giang	XDĐ&CQNN	CT042-2020
3.	Nguyễn Văn	Cảnh	04/3/1965	Khánh Hòa	XDĐ&CQNN	CT043-2020
4.	Bùi Thị Thu	Hà	26/6/1978	Nam Định	XDĐ&CQNN	CT044-2020
5.	Nguyễn Văn	Hậu	26/3/1983	Tp. Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT045-2020
6.	Bùi Trung	Hiếu	20/7/1981	Thanh Hóa	XDĐ&CQNN	CT046-2020
7.	Nguyễn Thị	Hiếu	24/3/1982	Tp. Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT047-2020
8.	Phạm Văn	Hiển	20/10/1988	Đồng Nai	XDĐ&CQNN	CT048-2020
9.	Huyền Tôn Nữ Tuyết	Hoa	17/7/1971	Tp. Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT049-2020
10.	Nguyễn Thu	Hoài	26/02/1978	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT050-2020
11.	Phạm Quốc	Hưng	08/01/1971	Tp. Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT051-2020
12.	Phan Thị Thúy	Hương	23/5/1977	Tuyên Quang	XDĐ&CQNN	CT052-2020
13.	Hồ Thế	Hữu	01/4/1978	Bến Tre	XDĐ&CQNN	CT053-2020
14.	Trần Đăng	Khoa	13/9/1983	Tp. Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT054-2020
15.	Đinh Thị	Lan	26/3/1983	Lào Cai	XDĐ&CQNN	CT055-2020
16.	Đỗ Thị Khánh	Linh	18/7/1981	Kon Tum	XDĐ&CQNN	CT056-2020
17.	Phan Thanh	Long	04/9/1983	Tp. Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT057-2020
18.	Trần Phi	Long	16/10/1988	Đồng Tháp	XDĐ&CQNN	CT058-2020
19.	Lê Doãn	Luyến	20/8/1986	Thanh Hóa	XDĐ&CQNN	CT059-2020
20.	Nguyễn Thị	Nghĩa	06/9/1975	Tiền Giang	XDĐ&CQNN	CT060-2020
21.	Lý Thị Phương	Nhanh	25/4/1985	Bến Tre	XDĐ&CQNN	CT061-2020

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp bằng
22.	Trần Đặng Anh	Nhân	16/01/1980	Tiền Giang	XDĐ&CQNN	CT062-2020
23.	Cái Văn	Nhiều	13/9/1983	Tp. Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT063-2020
24.	Nguyễn Thanh	Sang	21/7/1968	Tp. Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT064-2020
25.	Nguyễn Phước	Thành	20/01/1973	Tp. Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT065-2020
26.	Nguyễn Bá	Thiên	30/3/1977	Long An	XDĐ&CQNN	CT066-2020
27.	Nguyễn Hoàng	Thông	14/10/1986	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT067-2020
28.	Nguyễn Ngọc	Thủy	27/10/1981	Long An	XDĐ&CQNN	CT068-2020
29.	Nguyễn Trọng	Tính	08/7/1979	Tp. Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT069-2020
30.	Trần Thị Thu	Trang	10/12/1982	Tp. Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT070-2020
31.	La Minh	Tuấn	27/4/1969	Tp. Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT071-2020
32.	Lê Anh	Tuấn	15/10/1983	Tp. Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT072-2020
33.	Nguyễn Quốc	Tuấn	24/3/1974	Tp. Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT073-2020
34.	Võ Anh	Tuấn	29/10/1984	Tp. Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT074-2020
35.	Huỳnh Đặng Hà	Tuyên	26/02/1985	Tp. Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT075-2020
36.	Lâm Thanh	Vũ	31/12/1976	Tp. Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT076-2020
3. Chuyên ngành Kinh tế chính trị: 33 học viên (tại HVCT)						
1.	Hoàng Thị Tú	Anh	22/10/1973	Hà Nội	KTCT	CT077-2020
2.	Nguyễn Thị Thu	Anh	01/9/1986	Hải Dương	KTCT	CT078-2020
3.	Nguyễn Đức	Bình	28/10/1976	Hà Nội	KTCT	CT079-2020
4.	Dương Văn	Đạo	22/4/1979	Hà Nội	KTCT	CT080-2020
5.	Hoàng Anh	Đức	3/12/1989	Tuyên Quang	KTCT	CT081-2020
6.	Nguyễn Thị	Hà	10/11/1988	Hà Nam	KTCT	CT082-2020
7.	Nguyễn Thọ	Hải	28/02/1989	Thái Nguyên	KTCT	CT083-2020
8.	Phạm Thị	Hải	21/11/1984	Quảng Ninh	KTCT	CT084-2020
9.	Lê Trung	Hiếu	17/8/1992	Hà Nội	KTCT	CT085-2020
10.	Nguyễn Thị	Hiền	27/10/1976	Nghệ An	KTCT	CT086-2020
11.	Nguyễn Thị	Huyền	28/10/1981	Nam Định	KTCT	CT087-2020
12.	Phạm Thị	Huyền	11/3/1984	Hải Phòng	KTCT	CT088-2020
13.	Nguyễn Văn	Khanh	20/4/1986	Hà Nội	KTCT	CT089-2020
14.	Phạm Văn	Kỷ	26/11/1969	Hà Nội	KTCT	CT090-2020
15.	Nguyễn Thành	Nghị	28/12/1970	Nam Định	KTCT	CT091-2020
16.	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	25/8/1985	Hà Nội	KTCT	CT092-2020
17.	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	15/12/1984	Hà Nội	KTCT	CT093-2020
18.	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	29/9/1992	Hà Nội	KTCT	CT094-2020

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp bằng
19.	Lê Thị Kim	Oanh	15/12/1977	Lai Châu	KTCT	CT095-2020
20.	Lê Văn	Quang	18/8/1984	Hà Nội	KTCT	CT096-2020
21.	Nguyễn Thị	Quế	07/4/1981	Ninh Bình	KTCT	CT097-2020
22.	Vũ Văn	Sơn	01/3/1989	Quảng Ninh	KTCT	CT098-2020
23.	Nguyễn Phúc	Tài	07/02/1980	Hà Nội	KTCT	CT099-2020
24.	Bùi Ngọc	Tân	25/9/1991	Hà Nội	KTCT	CT100-2020
25.	Nguyễn Thị	Thanh	08/11/1978	Ninh Bình	KTCT	CT101-2020
26.	Nguyễn Chí	Thao	23/3/1984	Hà Nội	KTCT	CT102-2020
27.	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	25/9/1984	Hà Nội	KTCT	CT103-2020
28.	Nguyễn Thị Xuân	Thu	20/10/1985	Hà Nội	KTCT	CT104-2020
29.	Tạ Văn	Thùy	23/8/1989	Hà Nội	KTCT	CT105-2020
30.	Vũ Thị	Trang	22/7/1985	Hải Dương	KTCT	CT106-2020
31.	Bùi Đức	Trung	22/02/1985	Hòa Bình	KTCT	CT107-2020
32.	Nguyễn Thị	Xiêm	17/3/1986	Bắc Ninh	KTCT	CT108-2020
33.	Vũ Thị Thúy	Hằng	19/9/1986	Thanh Hóa	KTCT	CT109-2020
4. Chuyên ngành Kinh tế chính trị: 11 học viên (tại Trường SQLQ2)						
1.	Lê Ngọc	Ảnh	22/3/1989	Bến Tre	KTCT	CT110-2020
2.	Nguyễn Chí	Bạc	16/4/1979	Cà Mau	KTCT	CT111-2020
3.	Nguyễn Thị Hoàng Thúy	Nga	02/11/1979	Tp. Hồ Chí Minh	KTCT	CT112-2020
4.	Hoàng Thị Minh	Nguyệt	04/02/1984	Tp. Hồ Chí Minh	KTCT	CT113-2020
5.	Nguyễn Thị Hoàng	Phương	22/11/1985	Tp. Hồ Chí Minh	KTCT	CT114-2020
6.	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	28/9/1987	Quảng Ngãi	KTCT	CT115-2020
7.	Nguyễn Thị	Thu	20/6/1978	Thanh Hóa	KTCT	CT116-2020
8.	Đinh Đức	Toàn	10/10/1991	Phú Yên	KTCT	CT117-2020
9.	Lê Hữu	Trạng	10/9/1988	Gia Lai	KTCT	CT118-2020
10.	Võ Thị Huyền	Trinh	23/9/1975	Tp. Hồ Chí Minh	KTCT	CT119-2020
11.	Nguyễn Văn	Xuân	20/3/1977	Bạc Liêu	KTCT	CT120-2020
5. Chuyên ngành Quản lý giáo dục: 46 học viên (tại HVCT)						
1.	Nguyễn Thị Vân	Anh	09/02/1985	Hà Nội	QLGD	CT121-2020
2.	Trần Thị Hoàng	Anh	04/3/1983	Thái Bình	QLGD	CT122-2020
3.	Nguyễn Hoài	Bắc	13/7/1985	Hải Dương	QLGD	CT123-2020
4.	Nguyễn Thị Thanh	Bình	06/7/1973	Hà Nội	QLGD	CT124-2020
5.	Nguyễn Thị	Chinh	06/10/1981	Hà Nội	QLGD	CT125-2020
6.	Ngô Đức	Duy	12/11/1988	Bắc Ninh	QLGD	CT126-2020

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp bằng
7.	Nguyễn Thị Thùy	Dương	27/4/1985	Hà Nội	QLGD	CT127-2020
8.	Nguyễn Tiến	Đạt	27/5/1969	Hà Nội	QLGD	CT128-2020
9.	Nguyễn Thị Hương	Giang	27/02/1981	Hà Nội	QLGD	CT129-2020
10.	Đinh Văn	Hạnh	25/7/1977	Ninh Bình	QLGD	CT130-2020
11.	Nguyễn Thị	Hạnh	29/4/1977	Hà Nội	QLGD	CT131-2020
12.	Lê Thị Băng	Hải	03/11/1974	Hà Nội	QLGD	CT132-2020
13.	Nguyễn Thị	Hải	11/9/1983	Hà Nội	QLGD	CT133-2020
14.	Đỗ Diệu	Hằng	24/10/1975	Hà Nội	QLGD	CT134-2020
15.	Nguyễn Lệ	Hằng	15/10/1976	Hà Nội	QLGD	CT135-2020
16.	Phạm Thị	Hiền	10/11/1969	Hà Nội	QLGD	CT136-2020
17.	Khổng Minh	Hoa	17/10/1979	Hà Nội	QLGD	CT137-2020
18.	Lê Như	Hoàng	19/10/1986	Hà Nội	QLGD	CT138-2020
19.	Trương Thị Hiền	Hòa	04/9/1972	Hà Nội	QLGD	CT139-2020
20.	Trịnh Quốc	Hùng	30/10/1985	Hòa Bình	QLGD	CT140-2020
21.	Đào Thanh	Hương	01/12/1981	Hà Nội	QLGD	CT141-2020
22.	Bùi Thị Bích	Hường	05/10/1978	Ninh Bình	QLGD	CT142-2020
23.	Nguyễn Trọng	Khiêm	04/01/1978	Ninh Bình	QLGD	CT143-2020
24.	Nguyễn Thị	Lan	20/5/1985	Hà Nội	QLGD	CT144-2020
25.	Hà Thị	Lợi	10/5/1980	Ninh Bình	QLGD	CT145-2020
26.	Trần Thị	Ngoan	30/12/1979	Hà Nội	QLGD	CT146-2020
27.	Nguyễn Bích	Ngọc	11/9/1976	Hà Nội	QLGD	CT147-2020
28.	Đỗ Minh	Nguyệt	20/7/1982	Hà Nội	QLGD	CT148-2020
29.	Nguyễn Thị Hồng	Nhiên	09/6/1978	Hà Nội	QLGD	CT149-2020
30.	Trương Thị	Phương	27/3/1978	Thanh Hóa	QLGD	CT150-2020
31.	Nguyễn Quang	Quyền	03/9/1988	Hải Dương	QLGD	CT151-2020
32.	Phạm Ngọc	Quỳnh	23/6/1976	Hà Nội	QLGD	CT152-2020
33.	Nguyễn Thị	Song	20/01/1984	Hà Nội	QLGD	CT153-2020
34.	Trần Đức	Thuận	23/10/1975	Ninh Bình	QLGD	CT154-2020
35.	Nguyễn Thanh	Thủy	23/4/1973	Hà Nội	QLGD	CT155-2020
36.	Phạm	Toanh	05/10/1988	Hưng Yên	QLGD	CT156-2020
37.	Nguyễn Đức	Toàn	25/5/1978	Thái Bình	QLGD	CT157-2020
38.	Tạ Thị Vân	Trang	07/4/1979	Hà Nội	QLGD	CT158-2020
39.	Nguyễn Hải	Trâm	05/10/1984	Hà Nội	QLGD	CT159-2020
40.	Nguyễn Xuân	Trường	17/10/1983	Hải Dương	QLGD	CT160-2020

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp bằng
41.	Bùi Anh	Tuấn	10/11/1978	Thanh Hóa	QLGD	CT161-2020
42.	Phùng Anh	Tuấn	03/11/1992	Hải Dương	QLGD	CT162-2020
43.	Nguyễn Hoàng	Tùng	18/6/1986	Hòa Bình	QLGD	CT163-2020
44.	Lê Quý	Tú	26/02/1989	Hà Nội	QLGD	CT164-2020
45.	Ngô Đình	Văn	27/8/1990	Hà Nội	QLGD	CT165-2020
46.	Nguyễn Thị Hải	Yến	10/02/1977	Hà Nội	QLGD	CT166-2020
6. Chuyên ngành Quản lý giáo dục: 40 học viên (tại Trường SQLQ2)						
1.	Nguyễn Tuấn	Anh	02/3/1977	Hà Nội	QLGD	CT167-2020
2.	Lương Quốc	Bình	21/12/1976	Sóc Trăng	QLGD	CT168-2020
3.	Trần Thị Giang	Bình	24/6/1983	Tp. Hồ Chí Minh	QLGD	CT169-2020
4.	Đinh Thị Xuân	Châu	22/01/1979	Tp. Hồ Chí Minh	QLGD	CT170-2020
5.	Nguyễn Vĩnh Bảo	Châu	05/10/1983	Tp. Hồ Chí Minh	QLGD	CT171-2020
6.	Lưu Quốc	Cường	18/01/1990	Lâm Đồng	QLGD	CT172-2020
7.	Lý Thị	Dịu	20/7/1980	Ninh Bình	QLGD	CT173-2020
8.	Nguyễn Thị Hải	Duyên	08/8/1988	Hà Tĩnh	QLGD	CT174-2020
9.	Nguyễn Xuân Anh	Dũng	15/01/1973	Tp. Hồ Chí Minh	QLGD	CT175-2020
10.	Nguyễn Văn	Đàn	02/11/1983	Hà Tĩnh	QLGD	CT176-2020
11.	Lê Xuân	Giang	28/3/1988	Tây Ninh	QLGD	CT177-2020
12.	Ngô Thị Hồng	Hạnh	09/9/1980	Đà Nẵng	QLGD	CT178-2020
13.	Trần Thị Mỹ	Hạnh	01/8/1979	Tp. Hồ Chí Minh	QLGD	CT179-2020
14.	Lê Văn	Hải	04/6/1986	Hà Nội	QLGD	CT180-2020
15.	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/12/1988	Ninh Bình	QLGD	CT181-2020
16.	Nguyễn Phi	Hồ	29/01/1976	Vĩnh Phúc	QLGD	CT182-2020
17.	Lại Phước Thanh	Huy	01/3/1984	Tp. Hồ Chí Minh	QLGD	CT183-2020
18.	Đàm Công	Hưng	13/6/1982	Nghệ An	QLGD	CT184-2020
19.	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/9/1979	Thái Bình	QLGD	CT185-2020
20.	Trần Minh	Kha	15/12/1976	Tp. Hồ Chí Minh	QLGD	CT186-2020
21.	Nguyễn Hữu	Khởi	12/9/1983	Nghệ An	QLGD	CT187-2020
22.	Nguyễn Thị	Lan	16/6/1977	Quảng Trị	QLGD	CT188-2020
23.	Đoàn Việt	Lê	10/8/1985	Tiền Giang	QLGD	CT189-2020
24.	Đặng Thị Thùy	Linh	14/7/1968	Tp. Hồ Chí Minh	QLGD	CT190-2020
25.	Tạ Văn	Lĩnh	16/8/1988	Hà Nam	QLGD	CT191-2020
26.	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	11/02/1982	Tp. Hồ Chí Minh	QLGD	CT192-2020
27.	Nguyễn Hữu	Nam	18/4/1992	Tp. Hồ Chí Minh	QLGD	CT193-2020

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp bằng
28.	Vũ Quốc	Phong	25/9/1967	Khánh Hòa	QLGD	CT194-2020
29.	Phan Thanh	Phương	01/01/1982	Bến Tre	QLGD	CT195-2020
30.	Phan Thị	Sâm	24/11/1981	Nghệ An	QLGD	CT196-2020
31.	Ngô Thị Mỹ	Thạnh	06/10/1982	Đà Nẵng	QLGD	CT197-2020
32.	Trần Phương	Thảo	26/4/1983	Tp. Hồ Chí Minh	QLGD	CT198-2020
33.	Lê Thị Hồng	Thắm	28/11/1985	Gia Lai	QLGD	CT199-2020
34.	Nguyễn Anh	Thụy	08/4/1979	Tp. Hồ Chí Minh	QLGD	CT200-2020
35.	Nguyễn Thị Hồng	Trang	28/12/1972	Tp. Hồ Chí Minh	QLGD	CT201-2020
36.	Nguyễn Thị Thu	Trang	04/12/1975	Vĩnh Long	QLGD	CT202-2020
37.	Nguyễn Thị Thùy	Trang	29/9/1980	Tp. Hồ Chí Minh	QLGD	CT203-2020
38.	Nguyễn Ngọc	Trường	13/5/1989	Đồng Nai	QLGD	CT204-2020
39.	Phan Thị Yến	Vi	13/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	QLGD	CT205-2020
40.	Lê Khắc	Vũ	27/3/1985	Bình Thuận	QLGD	CT206-2020

Tổng số: 206 học viên.

* ***Tại HVCT: 119 học viên*** (XDĐ&CQNN 40, KTCT 33, QLGD 46).

* ***Tại Trường SQLQ2: 87 học viên*** (XDĐ&CQNN 36, KTCT 11, QLGD 40)./.